

# ẢNH HƯỞNG CỦA KẾ TOÁN SÁNG TẠO ĐẾN CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Nguyễn Thị Hằng Nga<sup>1\*</sup>, Nguyễn Kim Nam<sup>1</sup>, Bùi Thị Yên<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

<sup>2</sup>Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hằng Nga, nganth@hub.edu.vn

## THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 01/08/2023

Ngày nhận bài sửa: 06/09/2023

Ngày duyệt đăng: 20/09/2023

## TỪ KHOÁ

Báo cáo tài chính;

Chất lượng;

Kế toán sáng tạo;

Ngân hàng.

## TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xem xét ảnh hưởng của các yếu tố thuộc kế toán sáng tạo đến chất lượng của báo cáo tài chính trong lĩnh vực ngân hàng. Dữ liệu được thu thập thông qua mẫu khảo sát 302 nhân viên kế toán tại các ngân hàng thương mại. Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố của kế toán sáng tạo bao gồm: Vấn đề đạo đức, chất lượng công bố thông tin, kiểm soát nội bộ đều ảnh hưởng tích cực đến chất lượng báo cáo tài chính. Trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý để gia tăng chất lượng báo cáo tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

## 1. GIỚI THIỆU

### 1.1. Giới thiệu chung về kế toán sáng tạo

Kế toán sáng tạo là chủ đề còn có nhiều quan điểm trái ngược nhau. Một số nhà nghiên cứu cho rằng KTST được xem là một nghệ thuật vận dụng các chuẩn mực kế toán. Shahid (2016) ví rằng KTST như là một quá trình trang trí các BCTC của doanh nghiệp theo hướng có lợi bằng cách sử dụng linh hoạt các chuẩn mực kế toán để khiến cho các nhà đầu tư trở nên thèm khát. Ngược lại, các nhà nghiên cứu khác lại chỉ trích hoạt động KTST như Akpanuko và Umoren (2018), họ cho rằng KTST là một điều tồi tệ, nó bóp méo kết quả và vị thế tài chính của công ty.

Thực hiện KTST sẽ trở nên phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang

phát triển. KTST là một hoạt động thường xuyên và không thể tách rời khỏi hoạt động kế toán của doanh nghiệp. Tại Việt Nam, các hoạt động KTST cũng được một số nhà nghiên cứu quan tâm dưới nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, số lượng các nghiên cứu về chủ đề KTST dưới góc độ định lượng vẫn còn hạn chế, đặc biệt là trong lĩnh vực ngân hàng. Để cung cấp thêm bằng chứng thể hiện mối quan hệ giữa KTST và chất lượng của BCTC trong lĩnh vực ngân hàng, nghiên cứu này được thực hiện thông qua phân tích dữ liệu khảo sát ý kiến kế toán viên.

### 1.2. Cơ sở lý thuyết

Có nhiều định nghĩa khác nhau về KTST, theo Yadav (2013) thì KTST đề cập đến việc sử dụng kiến thức kế toán để gây ảnh hưởng đến các số liệu trong báo cáo tài chính theo mong muốn của Ban Giám đốc thay vì thể hiện hiệu quả hoạt

động thực tế hoặc vị thế của công ty nhưng vẫn nằm trong phạm vi quyền hạn của các quy tắc và luật kế toán. Còn Naser (1992) cho rằng KTST là “Quá trình thao túng các số liệu kế toán bằng cách tận dụng các kẽ hở trong các quy tắc kế toán và lựa chọn các phương pháp đo lường, thuyết minh để biến đổi BCTC từ những gì đáng có, thành những gì người lập mong muốn”. Dựa trên quan điểm học thuật, Nasser (1993) đưa ra định nghĩa “KTST là việc chuyển đổi các số liệu kế toán tài chính từ thực tế sang những gì mà người lập báo cáo mong muốn bằng cách tận dụng các quy tắc hiện có hoặc bỏ qua một số hay tất cả các quy tắc đó”.

Abed và cộng sự (2022) nhận định, thực hiện KTST thường không vi phạm pháp luật, cũng không bị coi là bất hợp pháp; tuy nhiên, các nhà quản lý KTST khai thác những điểm không rõ ràng trong luật để mô tả tình hình tài chính của công ty theo sự lựa chọn của ban quản lý. Do đó, nhiều người xem KTST như là cách thức làm đẹp các con số trên BCTC. Ismael (2017) cho rằng ý kiến chung của các tác giả là KTST được thể hiện bằng cách thay đổi báo cáo lợi nhuận và tài sản theo cách phù hợp với các cổ đông và nhà đầu tư của công ty. Vì vậy, ngoài việc được sử dụng rộng rãi như một cách thức đánh lừa, nó còn bị hầu hết các cơ quan chức năng coi là hành vi gian dối và không mong muốn vì thông tin sai lệch.

Nhiều nghiên cứu kết luận rằng thực hiện KTST gây ảnh hưởng đến chất lượng của các BCTC. Chẳng hạn như Alomery và Alameen (2014), Abed và cộng sự (2022) đã tìm thấy sự ảnh hưởng tiêu cực của KTST đến chất lượng của BCTC. Theo Abed và cộng sự (2022), mặc dù có nhiều nghiên cứu trước đây xác nhận mối quan hệ giữa thực hiện KTST và chất lượng BCTC nhưng việc xem xét các thành phần cụ thể của KTST ảnh hưởng đến chất lượng BCTC thì vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu của Abed và cộng sự (2002) đã đề xuất 4 thành phần thuộc KTST ảnh hưởng đến chất lượng của BCTC, bao gồm: Vấn đề đạo đức (ethical issues), kiểm soát nội bộ (internal

control), chất lượng công bố thông tin (disclosure quality), cấu trúc sở hữu (ownership structure).

Vấn đề đạo đức của nhà quản lý và kế toán đóng vai trò quan trọng đối với chất lượng của BCTC. Nhiều nhà quản lý vì lợi ích ngắn hạn có thể áp dụng hành vi phi đạo đức trong thực hiện kế toán sáng tạo tại doanh nghiệp của họ và do đó có thể dẫn đến chất lượng BCTC giảm sút. Abed và cộng sự (2022) kết luận, thái độ của nhà quản lý sẽ quyết định hành vi thực hiện KTST. Đồng thời môi trường đạo đức của doanh nghiệp và đạo đức của nhà quản lý có ảnh hưởng đến chất lượng của BCTC. Dựa trên cơ sở này, nghiên cứu đặt ra giả thuyết như sau:

*Giả thuyết H1: Vấn đề đạo đức (VDDD) càng cao thì chất lượng BCTC càng cao*

Bất cân xứng thông tin là vấn đề được đặt ra trong nhiều nghiên cứu liên quan đến BCTC. Hiện tượng bất cân xứng thông tin xảy ra giữa các nhà đầu tư và ban quản lý là yếu tố quan trọng đối với việc thực hiện KTST. Chính vì vậy, thông tin càng bất cân xứng thì khả năng thực hiện KTST càng cao. Do đó, việc hạn chế bất cân xứng thông tin là điều cần thiết. Abed và cộng sự (2022) cho rằng để giảm thiểu sự bất cân xứng thông tin, cần phải cải thiện chất lượng công bố thông tin trong tổ chức. Một số nghiên cứu khác như Yao và cộng sự (2020), Plumlee và cộng sự (2015), Gerwanski và cộng sự (2019) cũng xác nhận mối liên hệ tiêu cực giữa thực hiện KTST và chất lượng công bố thông tin. Do đó, giả thuyết tiếp theo được đặt ra:

*Giả thuyết H2: Mức độ công bố thông tin (CBTT) càng cao thì chất lượng BCTC càng cao*

Kiểm soát nội bộ giúp cắt giảm chi phí kiểm toán, cải thiện tính trung thực và độ tin cậy của BCTC. Nếu hoạt động kiểm soát nội bộ yếu kém sẽ làm giảm tính khách quan và chất lượng của BCTC. Ayagre và cộng sự (2014) đã tìm thấy mối tương quan thuận giữa chất lượng báo cáo tài chính và kiểm soát nội bộ. Tương tự kết quả nghiên cứu của Abed và cộng sự (2022) cũng đã khẳng định vai trò quan trọng của kiểm soát nội

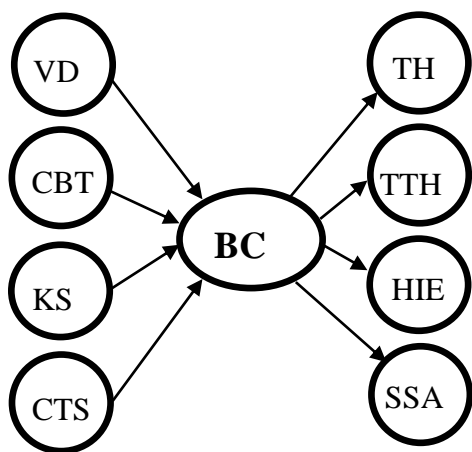
bộ với chất lượng BCTC trong lĩnh vực ngân hàng. Vì vậy, giả thuyết thứ ba được đặt ra như sau:

*Giả thuyết H3: Kiểm soát nội bộ (KSNB) càng cao thì chất lượng BCTC càng cao*

Chất lượng BCTC và cơ cấu sở hữu đã được nhiều nghiên cứu đề cập trước đây. Mỗi quan hệ giữa cơ cấu sở hữu và chất lượng BCTC vẫn còn nhiều kết quả trái ngược nhau. Mức độ và chiều hướng mỗi quan hệ này tùy thuộc vào loại cấu trúc sở hữu. Abed và cộng sự (2022) cho rằng kết quả nhiều nghiên cứu chỉ ra sự tồn tại mối tương quan nghịch giữa KTST và cấu trúc sở hữu, trong đó cơ cấu sở hữu đã cải thiện chất lượng báo cáo tài chính bằng cách giảm mức độ thực hiện KTST. Khi cơ cấu sở hữu của một tổ chức thực hiện sự giám sát yếu kém đối với nhân viên của mình, điều này có thể làm giảm chất lượng báo cáo tài chính (Abdallah và Ismail, 2017). Những nghiên cứu khác cũng đã tìm thấy ảnh hưởng đáng kể của cơ cấu sở hữu đối với chất lượng báo cáo tài chính và kế toán sáng tạo (Udin và cộng sự, 2017). Vì vậy giả thuyết tiếp theo được đặt ra như sau:

*Giả thuyết H4: Cấu trúc sở hữu (CTSH) càng cao thì chất lượng BCTC càng cao*

Với các giả thuyết đặt ra như trên, mô hình nghiên cứu được xây dựng như Hình 1.



**Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề nghị**  
(Nguồn: tổng hợp của nhóm tác giả)

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, được thực hiện thông qua 2 giai đoạn. Giai đoạn 1, thực hiện nghiên cứu định tính để rà soát và hiệu chỉnh các mục hỏi trong thang đo. Giai đoạn 2, thực hiện nghiên cứu định lượng, bằng việc thu thập dữ liệu thông qua khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi dựa trên thang đo Likert 5 điểm với mức 1 là hoàn toàn không đồng ý và mức 5 là hoàn toàn đồng ý. Mẫu khảo sát được thu thập từ 302 nhân viên kế toán trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai, trong khoảng thời gian từ tháng 2/2023 đến tháng 3/2023, theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất. Các thang đo và mục hỏi trong nghiên cứu này được kế thừa từ nghiên cứu của Abed và cộng sự (2022). Trong đó, vấn đề đạo đức (VDDD) gồm 5 biến quan sát; CBTT gồm 5 biến quan sát; KSNB gồm 5 biến quan sát; CTSH gồm 5 biến quan sát. BCTC cũng được đo lường bởi 4 biến tiềm ẩn, bao gồm: trung thực (TTHUC) với 5 biến quan sát; thích hợp (THOP) với 5 biến quan sát; có thể so sánh (SSANH) với 5 biến quan sát và dễ hiểu (HIEU) với 5 biến quan sát. Sau khi thu thập dữ liệu, nghiên cứu tiến hành đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua công cụ Cronbach' alpha và phân tích nhân tố khám phá bằng phần mềm SPSS. Tiếp theo nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khẳng định và phân tích mô hình cấu trúc SEM bằng phần mềm AMOS. Phân tích SEM đòi hỏi một mẫu lớn để tăng độ tin cậy cho kết quả (Raykov và Widaman, 1995). Hair và cộng sự (2010) đề nghị kích thước mẫu gấp 5 lần số biến. Như vậy, với số lượng các mục hỏi là 40, kích thước mẫu cần có là  $40 \times 5 = 200$ . Căn cứ vào các tiêu chuẩn trên, mẫu khảo sát 302 trong nghiên cứu này là phù hợp.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo và phân tích nhân tố khám phá

Tỷ lệ nam chiếm 26,8% và nữ chiếm 73,2% trong mẫu nghiên cứu. Các thang đo được đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach'alpha. Kết quả cho thấy hệ số Cronbach'alpha của các thang đo nằm trong khoảng 0,829 đến 0,891 nên các thang đo đều đạt được độ tin cậy cho phép. Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy các thang đo đều đạt được yêu cầu về giá trị hội tụ và phân biệt. Hệ số KMO của kiểm định Barlett đều lớn hơn 0,6.

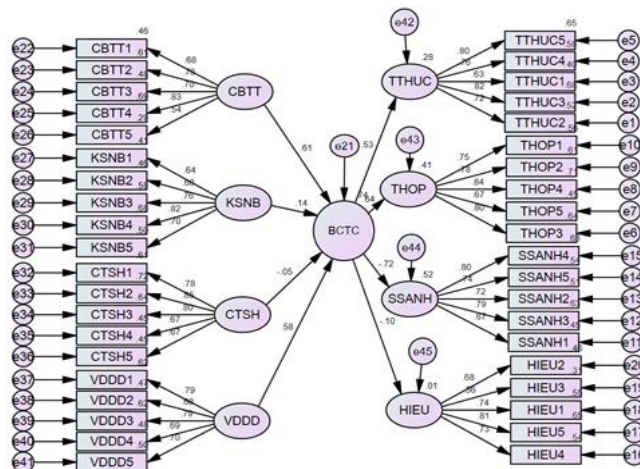
**Bảng 1:** Kết quả thống kê mô tả và Cronbach'alpha

Tên biến	Trung Bình	Độ lệch chuẩn	Cronbach' Alpha
VDDD	3,857	0,631	0,849
CBTT	3,751	0,593	0,831
KSNB	4,105	0,557	0,842
CTSH	3,004	0,872	0,869
THOP	3,750	0,685	0,891
TTHUC	3,509	0,743	0,872
DHIEU	2,934	0,822	0,829
SSANH	2,248	0,632	0,879

(Nguồn: Kết quả tính toán từ phần mềm SPSS)

### 3.2. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định và mô hình cấu trúc

Mô hình đo lường bao gồm 4 biến tiềm ẩn với 20 biến quan sát thuộc yếu tố KTST và 4 biến tiềm ẩn thuộc chất lượng BCTC với 20 biến quan sát. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và mô hình phương trình cấu trúc (SEM) cho thấy mô hình đo lường được chấp nhận với mức độ phù hợp với dữ liệu thị trường.



**Hình 2.** Kết quả mô hình cấu trúc với hệ số ước lượng chuẩn hóa

(Nguồn: Kết quả tính toán từ AMOS.20)

Chỉ số phân tích mô hình cấu trúc: CMIN/df = 2,354; GFI = 0,909; CFI = 0,939; IFI = 0,940; RMSEA = 0,067. Các hệ số ước lượng trong mô hình cấu trúc đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%, ngoại trừ biến CTSH là không có ý nghĩa thống kê. Kết quả cho thấy các biến VDDD, CBTT, KSNB đều ảnh hưởng tích cực đến biến chất lượng BCTC. Cụ thể biến VDDD với  $\beta_1 = 0,348$  và  $P = 0,000$  nên giả thuyết H1 được chấp nhận, biến CBTT với  $\beta_2 = 0,468$  và  $P = 0,000$  nên giả thuyết H2 được chấp nhận, biến KSNB với  $\beta_3 = 0,115$  và  $P = 0,025$  nên giả thuyết H3 được chấp nhận, biến CTSH với  $\beta_4 = -0,23$  và  $P = 0,396$  nên giả thuyết H4 không được chấp nhận.

**Bảng 2:** Kết quả kiểm định giả thuyết

Quan hệ	Hệ số $\beta$	Hệ số $\beta$ chuẩn hóa	P - value	Kết luận
VDDD -> BCTC	0,348	0,582	0,000	Chấp nhận H1
CBTT -> BCTC	0,468	0,612	0,000	Chấp nhận H2

KSNB -> BCTC	0,113	0,139	0,030	Chấp nhận H3
CTSH -> BCTC	-0,23	-0,051	0,396	Không chấp nhận H4

(Nguồn: Kết quả tính toán từ phần mềm SPSS)

### 3.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích cho thấy giả thuyết H1 được chấp nhận nghĩa là vấn đề đạo đức ảnh hưởng tích cực đến chất lượng BCTC. Các nghiên cứu trước cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề đạo đức. Vấn đề đạo đức không chỉ thể hiện ở nhà quản lý, kế toán mà cả môi trường của tổ chức. Nếu nhà quản lý, kế toán viên tuân thủ chuẩn mực đạo đức và môi trường đạo đức của tổ chức phát huy tốt thì có thể thúc đẩy được chất lượng BCTC. Như nhận định của Shahid (2016), giá trị đạo đức của một doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong việc áp dụng hoặc từ chối hoạt động KTST.

Giả thuyết H2 cũng được chấp nhận. Điều này cho thấy chất lượng công bố thông tin là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến sự minh bạch của tổ chức, qua đó làm gia tăng chất lượng BCTC của các ngân hàng. Gerwanski và cộng sự (2019) đã tìm thấy mối quan hệ giữa chất lượng công bố thông tin có thể cắt giảm thực hiện KTST và gia tăng chất lượng BCTC. Kết quả này tương đồng với các kết quả nghiên cứu đã công bố gần đây của Abed và cộng sự (2022).

Kiểm soát nội bộ thực hiện tốt vai trò sẽ cắt giảm những sai sót và do đó có khả năng tăng cường chất lượng BCTC. Kết quả phân tích đã ủng hộ giả thuyết H3. Mối quan hệ này đã tái khẳng định lại kết quả của nhiều nghiên cứu trước. Abed và cộng sự (2022) nhận định, những phát hiện hiện tại phù hợp với các nghiên cứu trước đây khi cho rằng kiểm soát nội bộ kém có

thể dẫn đến sai sót cao hơn và làm sai lệch về chất lượng báo cáo tài chính của các ngân hàng.

Cuối cùng giả thuyết H4 không được chấp nhận. Cấu trúc sở hữu tác động đến chất lượng BCTC được tìm thấy trong một số nghiên cứu đã công bố trước đây. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước dẫn chứng nhiều kết quả khác nhau về mối quan hệ này. Nagata và Nguyen (2017) báo cáo rằng, cấu trúc sở hữu ảnh hưởng đến chất lượng công bố thông tin theo nhiều cách khác nhau. Kết quả phân tích của Udin và cộng sự (2017) cho thấy mối quan hệ giữa cấu trúc sở hữu và tình hình tài chính của công ty phụ thuộc vào cấu trúc phân tán hay tập trung. Trong nghiên cứu này, phân tích dữ liệu cho thấy chưa đủ cơ sở để kết luận về mối quan hệ giữa cấu trúc sở hữu với chất lượng BCTC. Abed và cộng sự (2022) cho rằng, cổ đông có ít động cơ hơn để thao túng BCTC, do đó hạn chế các thực hiện KTST. Dẫn chứng từ các nghiên cứu trước, nhóm nghiên cứu này nhận định về sự tồn tại mối tương quan nghịch giữa KTST và cấu trúc sở hữu. Họ cũng lưu ý rằng cơ cấu sở hữu đã cải thiện chất lượng BCTC bằng cách giảm mức độ thực hiện KTST. Tuy nhiên, không phải tất cả các nghiên cứu trước đó đều tuân theo xu hướng này, vì thế kết quả về mối quan hệ giữa cấu trúc sở hữu và KTST vẫn còn nhiều tranh luận.

### 4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của các thành phần KTST đến chất lượng BCTC trong lĩnh vực ngân hàng. Với mẫu dữ liệu được khảo sát tại các ngân hàng thương mại, kết quả cho thấy các thành phần của KTST như vấn đề đạo đức, chất lượng công bố thông tin, kiểm soát nội bộ đều ảnh hưởng tích cực đến chất lượng BCTC. Kết quả này đưa ra hàm ý cho nhà quản trị trong lĩnh vực ngân hàng là để gia tăng chất lượng BCTC thì cần phải cải thiện các hoạt động KTST thông qua việc cải thiện các khía cạnh như nâng cao chất lượng công bố thông tin, gia cố kiểm

soát nội bộ và nhân mạnh vấn đề đạo đức trong doanh nghiệp.

Chất lượng công bố thông tin được coi là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến sự minh bạch của tổ chức, giúp tăng lòng tin của công chúng vào chất lượng báo cáo tài chính của ngân hàng, duy trì các mối quan tâm về đạo đức thông qua chất lượng công bố thông tin (Abed và cộng sự, 2022). Những nỗ lực tốt nhất cần được thực hiện để giảm thiểu những tác động tiêu cực của KTST chính là tăng cường áp dụng các chuẩn mực kế toán, coi trọng hơn các cân nhắc về đạo đức, làm giảm tính linh hoạt của người quản lý trong việc quyết định giữa các phương pháp kế toán khác nhau và giới thiệu kế toán điều tra để phát hiện và ngăn chặn gian lận. Hơn thế nữa, các biện pháp trừng phạt mạnh mẽ cần được thực hiện đối với tất cả những người tham gia vào hoạt động KTST (Bhasin, 2016).

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên, nghiên cứu này cũng tồn tại nhiều hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu chỉ tiến hành thực hiện với một mẫu thuận tiện tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai nên tính đại diện có thể chưa cao. Thứ hai, nghiên cứu cũng mới chỉ tập trung khai thác bốn khía cạnh thuộc KTST và bốn thành phần của chất lượng BCTC. Do đó các nghiên cứu sau có thể khắc phục những hạn chế nêu trên để có được kết quả nghiên cứu khái quát hóa hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abdallah, A. A. N., & Ismail, A. K. (2017). Corporate governance practices, ownership structure, and corporate performance in the GCC countries. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 46, 98-115
- Abed, I. A., Hussin, N., Haddad, H., Al-Ramahi, N. M., & Ali, M. A. (2022). The moderating effects of corporate social responsibility on the relationship between creative accounting determinants and financial reporting quality. *Sustainability*, 14(3), 1195.
- Akpanuko, E. E., & Umoren, N. J. (2018). The influence of creative accounting on the credibility of accounting reports. *Journal of Financial Reporting and Accounting*, 16(2), 292-310.
- Alomery, M. A., & Alameen, M. A. (2014). Perceptions of external auditors for the risk of creative accounting in Syrian stockholder companies: An empirical study. *Arbud for Studies and Researches*, 3, 294-342.
- Ayagre, P., Appiah-Gyamerah, I., & Nartey, J. (2014). The effectiveness of Internal Control Systems of banks. The case of Ghanaian banks. *International journal of Accounting and Financial reporting*, 4(2), 377.
- Balaciu, D. E., Bogdana, V., Feleaga, L., & Popa, A. L. (2014). "Colorful" approach regarding creative accounting. An introspective study based. *Accounting and Management Information Systems*, 13(4), 643.
- Bhasin, M. L. (2016). Survey of creative accounting practices: an empirical study. *Wulfenia Journal*, 23(1), 143-162.
- Gerwanski, J., Kordsachia, O., & Velte, P. (2019). Determinants of materiality disclosure quality in integrated reporting: Empirical evidence from an international setting. *Business Strategy and the Environment*, 28(5), 750-770.
- Hair, J. F., Anderson, R. E., Tatham, R. L., & William, C. B. (2010). *Multivariate data analysis*: Pearson Prentice Hall.
- Nagata, K., & Nguyen, P. (2017). Ownership structure and disclosure quality: Evidence from management forecasts revisions in Japan. *Journal of Accounting and Public Policy*, 36(6), 451-467.
- Plumlee, M., Brown, D., Hayes, R. M., & Marshall, R. S. (2015). Voluntary environmental disclosure quality and firm value: Further evidence. *Journal of accounting and public policy*, 34(4), 336-361.
- Raykov, T., & Widaman, K. F. (1995). Issues in applied structural equation modeling

- research. *Structural Equation Modeling: A Multidisciplinary Journal*, 2(4), 289-318.
- Shahid, M. (2016). Influence of Creative Accounting on Reliability and Objectivity of Financial Reporting (Factors Responsible For Adoption of Creative Accounting Practices in Pakistan). *Journal of Accounting and Finance in Emerging Economies*, 2(2), 75-82.
- Udin, S., Khan, M. A., & Javid, A. Y. (2017). The effects of ownership structure on likelihood of financial distress: an empirical evidence. *Corporate Governance: The international journal of business in society*, 17(4), 589-612.
- Yadav, B. (2013). Creative accounting: a literature review. *The SIJ Transactions on Industrial, Financial and Business Management (IFBM)*, 1(5), 181-193.
- Yao, S., Wang, Z., Sun, M., Liao, J., & Cheng, F. (2020). Top executives' early-life experience and financial disclosure quality: impact from the Great Chinese Famine. *Accounting & Finance*, 60(5), 4757-4793.

## INFLUENCE OF CREATIVE ACCOUNTING ON FINANCIAL REPORTING QUALITY: EMPIRICAL STUDY IN THE BANKING SECTOR

Nguyen Thi Hang Nga<sup>1\*</sup>, Nguyen Kim Nam<sup>1</sup>, Bui Thi Yen<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Ho Chi Minh University of Banking*

<sup>2</sup>*Dong Nai Technology University*

\*Corresponding author: *Nguyen Thi Hang Nga , nganth@hub.edu.vn*

### GENERAL INFORMATION

Received date: 01/08/2023

Revised date: 06/09/2023

Published date: 20/09/2023

### KEYWORD

*Financial report;*

*Quality;*

*Creative accounting;*

*Bank.*

### ABSTRACT

The objective of this study was to examine the impact of creative accounting on the quality of financial statements in the banking sector. The data were collected through a survey of 302 accountants at commercial banks. The analysis results showed that factors of creative accounting, including Ethical issues, disclosure quality, and internal control, all positively affect the financial statements' quality. Building upon the analysis results, the study provided some implications to enhance the quality of financial statements in the banking sector.